BẢO TÀNG DÂN TỘC HỌC VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN HUY - LƯU HÙNG

Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (BTDTHVN) vừa là một cơ sở khoa học vừa là một trung tâm văn hoá, có tính khoa học cao và tính xã hội rộng lớn. Vị trí xác định đó đã được thể hiện qua các chức năng của Bảo tàng này: Nghiên cứu khoa học về các dân tộc ở nước ta; sưu tầm, phân loại, đánh giá, bảo quản, phục chế, trưng bày, giới thiệu và khai thác những giá trị lịch sử - văn hoá của các dân tộc, đồng thời cung cấp tư liệu dân tộc học và đào tạo cán bộ cho các loại hình bảo tàng Dân tộc học.

Trong tương lai, BTDTHVN còn hướng tới giới thiệu, trưng bày cả về văn hoá và văn minh của các dân tộc ở Đông Nam á và châu Á.

1. Quá trình hình thành

Loại hình bảo tàng Dân tộc học rất quan trọng và có ý nghĩa to lớn về nhiều phương diện trên quy mô quốc gia cũng như ở từng địa phương, bởi vì nước ta có tới 54 dân tộc. Cho nên, ngay từ năm 1981, Nhà nước đã chủ trương hình thành một Bảo tàng Dân tộc học đặt tại thủ đô Hà Nội. Công trình Bảo tàng Dân tộc học được chính thức phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật ngày 14/12/1987 và được Nhà nước cấp đất để xây dựng: năm 1987 - 2.500m2, năm 1988-9.500m2, và năm 1990 Thủ tướng Chính phủ có quyết định giao toàn bộ 3,27 ha.

Suốt nhiều năm, công trình này được xem như một bộ phận của Viện Dân tộc học. Ngày 24/10/1995, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định về việc thành lập Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (trực thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia).

Ngày 12 tháng 11 năm 1997, Bảo tàng khánh thành.

Hiện tại, BTDTHVN đặt trên khu đất rộng gần 3,3 ha (có thể sẽ được mở rộng thành 5 ha) ở phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, cách trung tâm Thủ đô chừng 8 km. Đây vốn là vùng đất trũng của cư dân sở tại; tất cả các công trình cơ sở hạ tầng đều mới được xây dựng cùng với quá trình hình thành Bảo tàng, kể cả đoạn đường lớn dài khoảng 700m từ đường Hoàng Quốc Việt rẽ vào Bảo tàng (trong tương lai nó còn được kéo dài tiếp đến khu khách sạn Deawoo bên đường Cầu Giấy và Liễu Giai).

Bảo tàng bắt đầu được cấp vốn chuẩn bị đầu tư vào năm 1986. Công việc khởi công xây dựng móng triển khai từ cuối năm 1989. Theo luận chứng Kinh tế kỹ thuật, tổng kinh phí để xây dựng là 27 tỷ, chưa kể khoảng 4 tỷ đồng cho việc sưu tầm hiện vật và tổ chức trưng bày. Cho đến nay, Nhà nước đã cấp khoảng 20 tỷ đồng cho xây dựng Bảo tàng.

BTDTHVN do kiến trúc sư Hà Đức Lịnh (người dân tộc Tày, Công ty Xây dựng nhà ở và công trình công cộng, Bộ Xây dựng) thiết kế. Nội thất công trình do bà kiến trúc sư Véronique Dollfus (người Pháp) thiết kế.

Bảo tàng gồm hai khu vực chính: trong nhà và ngoài trời. Khu vực trong nhà bao gồm các khối nhà, nhà trưng bày, cơ sở nghiên cứu, thư viện, hệ thống kho bảo quản, hệ thống các

bộ phận kỹ thuật, hội trường... Các khối nhà này liên hoàn với nhau, có các lối đi hợp lý, với tổng diện tích 2480 m2, trong đó 750m2 dành cho kho bảo quản.

Kể từ khi khánh thành, đúng vào dịp Hội nghị Thượng đỉnh lần thứ 7 các nước có sử dụng tiếng Pháp họp tại Hà Nội, Bảo tàng đón tiếp khách tới tham quan khu trưng bày trong nhà. Còn khu ngoài trời bắt đầu được chuẩn bị từ năm 1997 và sẽ được hoàn thành khi bước sang thế kỷ XXI.

2. Những điểm mới

Có thể nói, Bảo tàng này là một trung tâm trưng bày và lưu giữ quý giá về văn hoá của đủ 54 dân tộc, đã có khoảng 10.000 hiện vật, gần 15.000 ảnh màu và ảnh đen - trắng, hàng trăm băng ghi hình và ghi âm, đồng thời là một trung tâm nghiên cứu dân tộc học với những chuyên gia về các dân tộc, các lĩnh vực chuyên ngành. Người ta đến đây không chỉ để tham quan, giải trí, mà còn để tìm hiểu, nghiên cứu về các dân tộc, các sắc thái văn hoá đa dạng và đặc sắc của từng tộc, từng vùng cũng như những giá trị truyền thống chung của các dân tộc. Vì vậy, từ nhân dân khắp các miền trong nước đến khách nước ngoài, từ học sinh, sinh viên đến nhà khoa học đều có thể tìm thấy sự hấp dẫn ở đây.

Hiện vật của BTDTHVN không phải chỉ là những cổ vật đắt tiền, mà chủ yếu bao gồm nhiều thứ rất bình thường trong đời sống hàng ngày của người dân, như: con đao, cái gùi, chiếc khố, ống sáo, cái tẩu, tấm chiếu.. Chúng phản ánh mọi khía cạnh văn hoá vật thể và phi vật thể của cộng đồng cư dân, thể hiện tiêu biểu mọi mặt cuộc sống và mọi sáng tạo văn hoá của họ. Bởi vậy, trong Bảo tàng này, hiện vật rất phong phú. Có thể hình thành được nhiều sưu tập theo các tiêu chí sắp xếp khác nhau. Bảo tàng có 54 bộ sưu tập về từng dân tộc, như: về người Thái, về người Hmông, về người Gia Rai... Phân chia theo công dụng, có các sưu tập về y phục, các đồ trang sức, về nông cụ, về ngư cụ, về vũ khí, về đồ gia dụng, về nhạc cụ... Lại có tập hợp riêng về các hiện vật tôn giáo - tín ngưỡng, cưới xin, ma chay hay nhiều hoạt động tinh thần, xã hội khác. Trên cơ sở đó, Bảo tàng tổ chức trưng bày và xuất bản sách ảnh theo các dạng thức sưu tập khác nhau, bổ ích và lý thú với mọi đối tượng, mọi trình độ học vấn.

Hiện nay, phần trưng bày trong nhà chiếm trọn toà nhà 2 tầng có dáng mô phỏng hình trống đồng - một biểu tượng chung của nền văn minh Việt Nam cũng như nhiều nước khác trong khu vực. Chiếc cầu đá granit dẫn vào toà nhà Bảo tàng tạo cảm giác như chúng ta bước lên căn nhà sàn phổ biến ở nhiều vùng. Sảnh lớn của Bảo tàng thể hiện không gian bao quát của đất nước, mặt nền được trang trí bằng đá granit với biểu trưng theo hình thể của Tổ quốc có đất liền và biển cả; trên cao có cánh diều tượng trưng cho bầu trời.

BTDTHVN được triển khai theo nhiều quan niệm mới phù hợp với sự tiến bộ khoa học và kỹ thuật. Trước hết đó là quan niệm Bảo tàng dành cho tất cả mọi người. Quan niệm này được thể hiện cả trong kiến trúc lẫn trong kỹ thuật trưng bày. Bảo tàng có lối đi riêng thích hợp cho thương binh hay những người khuyết tật phải di chuyển bằng xe đẩy và có thang máy để họ lên xem tầng hai. Các bậc lên xuống đều có tay vịn cho người già yếu tiện đi lại. Trong trưng bày, kế thừa kinh nghiệm của nhiều bảo tàng trên thế giới, BTDTHVN đã không chọn chữ in mà chọn chữ viết thường cho tất cả các bài viết để người xem ở các lứa tuổi đều dễ đọc, không mỏi mắt. Các tấm panô cũng được treo ở tầm cao có tính toán phù hợp với lứa tuổi thiếu nhi. Phần trưng bày của Bảo tàng có hiện vật, có ảnh, bài viết, có băng hình, có các tư liệu tham khảo... mà người xem tuỳ trình độ và nhu cầu khác nhau có thể khai thác nhiều hay ít.

Bảo tàng lấy hiện vật làm trung tâm, hơn nữa nó phản ánh những sinh hoạt đời thường của nhân dân các dân tộc; cho nên một quan điểm xuyên suốt là: trang trí thật đơn giản, không

cầu kỷ, để người xem có thể cảm thụ nhiều nhất cái hay, cái đẹp, cái tinh tế của mỗi hiện vật rất bình dị, đời thường, không bị lôi cuốn vào những cái không cần thiết của hoạ sĩ hay nhà trưng bày. Trong Bảo tàng không có tránh minh hoạ. Nếu cần minh chứng cho những sinh hoạt nào đó, ở đây chỉ dùng ảnh hay băng hình ghi lại cuộc sống thực của các dân tộc.

Mặc dù Bảo tàng hiện nay có khoảng 25.000 hiện vật và tư liệu nhưng chỉ trưng bày một số lượng hiện vật hạn chế: trên dưới 650 đơn vị hiện vật và 280 ảnh. Quan điểm chung là không tham đưa quá nhiều hiện vật vào các tủ trưng bày, bởi sẽ gây cảm giác thừa ứ hoặc khó tiếp cận được một cách tập trung.

Phương pháp bố trí nội dung trong trưng bày của Bảo tàng là kết hợp giữa cộng đồng ngôn ngữ và vùng lãnh thổ. Hầu hết hiện vật trưng bày là hiện vật gốc, được lựa chọn và chủ yếu phô bày trong 97 tủ kính lớn nhỏ khác nhau; có loại tủ 1 mặt, có loại 4 mặt; có tủ chứa nhiều hiện vật, có tủ chỉ đặt 1 hoặc vài ba hiện vạt. Trong số đó, hơn 50 tủ có bài viết giới thiệu kèm theo. Mỗi hiện vật đều có phụ đề ghi rõ tên gọi hiện vật, đồng thời cho biết dân tộc và xứ sở sản sinh ra nó. Bảo tàng cũng sử dụng manơcanh, bản đồ, biểu đồ, sách cứng, ảnh, phim video, băng âm thanh, một số mô hình và 33 panô trong trưng bày. Mặc dù diện tích không lớn, nhưng trong nhà vẫn có một số điểm trưng bày theo hình thức tái tạo về một tập tục hay một nét văn hoá nào đó. Người xem hiểu được nội dung tái tạo thông qua không chỉ hiện vật, mà còn có phim video nữa.

Bảo tàng chủ trương tăng cường lời giải thích để phục vụ người xem. Cho nên, hơn 100 bài viết trên panô và gắn với tủ kính hoặc với tái tạo đều cố gắng cung cấp những thông tin cần thiết và ảnh minh hoạ, nhiều panô có cả bản đồ. Tuy nhiên, do hạn chế về khuôn khổ, nên phải viết dưới dạng ngắn gọn, cô đọng. Với mục đích giúp ích cho cả khách là người nước ngoài, các bài viết đó cũng như các phụ đề của hiện vật không chỉ dùng tiếng Việt, mà còn in bằng tiếng Anh và tiếng Pháp nữa. Vì vậy, dù không cần thuyết minh viên giới thiệu, người xem vẫn có thể hiểu được đáng kể về các phần, các tủ, các hiện vật trưng bày.

Bảo tàng cố gắng tìm các giải pháp kỹ thuật hiện đại. Theo cách thức sử dụng ánh sáng tập trung, việc dùng đèn chuyên dụng chiếu rọi vào từng hiện vật hay bộ phận của hiện vật làm nổi lên vẻ đẹp cần gây sự chú ý quan sát. Trong điều kiện hiện nay, Bảo tàng đã lựa chọn phương án thông khí cho toàn bộ khu trưng bày. Từng tủ kính đều được lắp hệ thống thông khí để đảm bảo cho hiện vật không bị mốc.

Đối với phần ngoài trời, do đất hẹp nên Bảo tàng sẽ chỉ có thể dựng một số không nhiều công trình kiến trúc dân gian cùng các hiện vật lớn, như: ngôi nhà rông của người Ba na (hoặc Xơ đăng), nhà sàn dài của người Ê đê, nhà của nông dân người Việt... Xen giữa các "hiện vật" lớn đó là cây xanh các loại, các lối đi ngoằn ngoèo, và cả con suối uốn khúc chảy suốt 4 mùa, có cầu bắc nối đôi bờ... Song, những ý định đó mới đang bắt đầu được thực hiện.

3. Nội dung trưng bày

Trong nhà trưng bày, phần lớn diện tích bố trí trưng bày thường xuyên; bên cạnh đó, có dành riêng một không gian để sẽ tổ chức các trưng bày nhất thời theo chuyên đề. Bố cục phổ biến của mỗi phần đều có trưng bày ngay bên lối đi, có các tủ kính trưng bày chính và có tái tạo. Hiện tại, trưng bày thường xuyên trong nhà được chia làm 9 phần lớn:

Phần thứ nhất: Giới thiệu chung

Trước tiên người xem có thể tiếp cận ngay với một panô có nhan đề: "Việt Nam: Những chặng đường lịch sử, văn hoá", qua đó có được thông tin về các thời kỳ lịch sử của đất nước, sự hội nhập của các dân tộc và các nền văn hoá - văn minh vào Việt Nam.

Một tấm bàn đồ lớn được in mầu chỉ ra sự phân bố của các dân tộc ở nước ta theo các nhóm ngôn ngữ, đồng thời có ba mặt cắt ở các vị trí Bắc, Trung, Nam để thấy được đặc điểm cư trú của các dân tộc theo các độ cao.

Bên cạnh đó, có 5 tấm panô giới thiệu chân dung người của 54 dân tộc theo 5 ngữ hệ. Cũng ở đây, người xem chỉ trong khoảnh khắc có thể cảm nhận được tiếng nói của từng dân tộc ở nước ta.

Phần thứ hai: Dân tộc Việt (Kinh)

Ngay bên lối vào phòng trưng bày này đã có panô giới thiệu một số thông tin chung nhất về dân tộc Việt cùng với ảnh và bản đồ.

Một không gian rộng rãi, sáng sủa và đầy ấn tượng dành cho việc tái tạo lại quá trình làm nón và hoạt động của nghề đan đó. Nón là một vật dụng gắn bó sâu sắc với người phụ nữ từ lâu đời. Nghề làm nón ở làng Chuông cũng như nghề đan đó là làng Thủ Sỹ được tái tạo ở đây không chỉ thể hiện sự tinh tế, khéo léo, cần mẫn của các nghề thủ công này, mà còn chứng minh làng ở đồng bằng Bắc Bộ từ lâu đã có mối quan hệ kinh tế và xã hội rộng rãi trong việc làm ra sản phẩm cũng như tiêu thụ sản phẩm. Cảnh làm nón và chợ bán nón, cảnh làm đó và vận chuyển đó đi bán được thể hiện trên màn hình.

Một số nét văn hoá cổ truyền người Việt được giới thiệu trong 11 tủ kính trưng bày với các chủ đề: múa rối nước, nhạc cụ, tín ngưỡng thờ Mẫu, các đồ chơi dân gian của trẻ em, thờ tổ nghề hát bội. Một số nghề thủ công tiêu biểu như nghề đúc đồng, chạm khắc gỗ, nghề sơn, nghề làm tranh Đông Hồ được giới thiệu trong các tủ kính. Người xem vừa được thấy một số sản phẩm nghề thủ công, vừa được biết công cụ, dụng cụ và quy trình sản xuất ra các sản phẩm ấy.

Thờ cúng tổ tiên, nét văn hoá tiêu biểu của người Việt, được thể hiện thông qua việc trưng bày một bàn thờ tổ tiên ở một gia đình nông dân.

Phần thứ ba: Các dân tộc Mường, Thổ, Chứt

Bên lối vào phòng trưng bày về 3 dân tộc này có 3 panô giới thiệu những nét chung nhất về từng dân tộc cùng với ảnh và bản đồ. Song song với các panô này là 4 tủ kính giới thiệu một số hiện vật đẹp để tạo nên cái nhìn khái quát về nội dung phòng trưng bày.

Chủ đề tập trung giới thiệu ở 6 tủ kính của phòng này là hoạt động săn bắn và hái lượm của người Chứt, nghề đan gai của người Thổ, công việc săn bắn, dệt vải, sinh hoạt đời thường bên bếp lửa và nhạc cụ của người Mường.

Ở không gian tái tạo có cảnh đám ma người Mường. Thông qua một đám ma người ta có thể hiểu quan niệm về cõi sống, cõi chết, thế giới quan, nhân sinh quan truyền thống của người Mường. Minh hoạ cho phần tái tạo là phim video về đám ma Mường.

Trước khi lên tầng 2, có một tủ kính trưng bày các mô hình thuyền khác nhau. ở đây còn có không gian cho người xem dừng chân nghỉ ngơi và nhận thêm các thông tin qua bài viết, ảnh...

Phần thứ tư: Các dân tộc ngôn ngữ Tày - Thái và Ka Đai

Có 5 panô để giới thiệu những thông tin chung về nhóm này: giới thiệu chung về các nhóm ngôn gữ Tày - Thái, Ka Đai, kiến trúc Tày, Nùng, nhà ở của người Thái, cảnh quan vùng cư trú.

Nét nổi bật nhất trong phòng trưng bày này là tái tạo một căn nhà sàn Thái. Người xem có thể thấy được đặc trưng của kiến trúc nhà sàn Thái Đen qua mái nhà hình mu rùa, khau cút, lan can nhà. Những hiện vật về văn hoá của người Tày, Thái, Nùng, Sán Chay (Cao Lan - Sán Chỉ), Giáy, Bố Y, Lào, Lự (thuộc ngôn ngữ Tày - Thái) được trưng bày trong các tủ kính

đều nằm chung dưới một mái nhà. Có tủ giới thiệu chữ viết. Có tủ về thổ cẩm Tày. Có tủ chuyên về nghề thủ công người Nùng. Có tủ về trang phục của các nhóm địa phương Tày như người Thu Lao, Pa Dí...

Nghi thức đám then người Tày được chọn làm chủ đề tái tạo ở đây, ngay cạnh đó có màn hình video về lễ làm then.

Các dân tộc La Chí, Cờ Lao, Pu Péo, La Ha (thuộc ngôn ngữ Ka Đai) có những bộ y phục sặc sỡ bên cạnh những hiện vật của điệu múa sinh thực khí theo tục người La Ha và cái kèn của người Cờ Lao.

Phần thứ năm: Các dân tộc nhóm ngôn ngữ Hmông - Dao, Tạng - Miến và người Sán Dìu, người Ngái

Sau những thông tin chung nhất về các dân tộc này qua 4 panô và một số ít hiện vật ở 2 bên lối vào là 2 nhóm tủ trưng bày: Một nhóm gồm những tủ về 3 dân tộc: Hmông, Dao, Pà Thẻn với các chủ đề như kỹ thuật tạo hoa văn bằng sáp ong, các đồ gia dụng bằng gỗ, lễ phục của người Hmông, các đồ gia dụng của người Pà Thẻn. Còn nhóm kia có 1 tủ dành cho người Sán Dìu và người Ngái, các tủ khác giới thiệu về trang phục nữ, công cụ săn bắn, đời sống thường ngày và nhạc cụ của 6 dân tộc: Lô Lô, Hà Nhì, La Hủ, Phù Lá, Si La và Cống.

Không gian tái tạo dành cho nghề dệt vải sợi lanh của người Hmông và lễ cấp sắc của người Dao.

Phần thứ sáu: Các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ me ở miền núi

Đây là phần trưng bày về văn hoá 5 dân tộc ở miền Bắc (Khơ Mú, Mảng, Kháng, Xinh Mun, Ơ Đu) và 15 dân tộc ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên (Bru-Vân Kiều, Tà Ôi, Cơ Tu, Hrê, Co, Gié - Triêng, Xơ Đăng, Ba Na, Rơ Măm, Brâu, Mnông, Cơ Ho, Mạ, Xtiêng, Chơ Ro). Thuộc không gian trưng bày này có 6 panô giới thiệu về các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ me ở miền Bắc, ở Trường Sơn - Tây Nguyên, về nông nghiệp nương rẫy, về làng, về nhà cửa và tín ngưỡng.

Bên ngoài các tủ kính, còn có hiện vật để trên các giá dỡ và treo ở tường.

Văn hoá truyền thống của các cư dân này đa dạng, có những nét đặc sắc và khá nguyên sơ. Người ta còn thấy được những dấu ấn văn hoá Đông Sơn, văn hoá Sa Huỳnh trên miền Thượng. Mặc dù cách bố trí trưng bày có tạo nên sự phân cách nhất định giữa các tộc ở miền Bắc và các tộc ở Trường Sơn - Tây Nguyên, nhưng vẫn dễ nhận ra những điểm thống nhất, tương đồng bên cạnh các đặc điểm tộc người và khu vực. Các chủ đề chính ở đây là: trang phục phụ nữ Khơ me, Mảng, các vật dụng hàng ngày của các dân tộc Kháng, Xinh Mun, Ơ Đu, vỏ bầu trong đời sống, vật dụng bằng vỏ cây, các loại gùi, nghề dệt vải, nhạc cụ. Có 3 tủ giới thiệu về từng vùng: bắc Trường Sơn, bắc Tây Nguyên, nam Tây Nguyên và đông Nam Bộ. Có riêng một tủ lớn giới thiệu về người Xơ Đăng.

Lễ hội lớn nhất của các tộc Thượng là lễ hội có đâm trâu cúng thần, do đó lễ hội đâm trâu đã được lấy làm chủ đề tái tạo ở đây và được thể hiện trên băng video.

Phần thứ bảy: Các dân tộc nhóm ngôn ngữ Nam Đảo ở miền núi

Có 4 dân tộc được giới thiệu trong phần này: Gia Rai, Ê Đê, Ra Glai, Chu Ru. Giữa họ với cư dân nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ Me láng giềng có nhiều điểm giống nhau. Song, ở họ còn bảo lưu được khá rõ nét yếu tố văn hoá biển và vẫn duy trì chế độ mẫu hệ rộng khắp. Tượng mồ, lễ bỏ mả, nhạc cụ, công cụ, đồ dùng, đồ đan lát... là những hiện vật phản ánh về văn hoá vật chất cũng như văn hoá tinh thần của cư dân này. Chúng được trình bày trong 4 tủ kính và

trên 2 bệ đỡ. ở phần này có 2 panô: một panô giới thiệu chung và một panô về lễ bỏ mả của người Gia Rai.

Phần thứ tám: Các dân tộc Chăm, Hoa, Khơ Me

Người Chăm thuộc ngữ hệ Nam Đảo; người Hoa nói ngôn ngữ Hán; người Khơ Me thuộc ngữ hệ Nam á. Mỗi dân tộc được giới thiệu trên một panô riêng, và có thêm panô thứ 4 về kiến trúc chùa tháp và đạo Phật tiểu thừa. Một số nét văn hoá của mỗi dân tộc được giới thiệu thích hợp. Với người Chăm, đó là: tôn giáo, nghề dệt, nghề gốm, hình thức vận chuyển bằng xe bò... Với người Hoa: đám cưới, hội múa lân... Với người Khơ Me: tôn giáo, chữ viết, nghề nhuộm vải và lụa, nông cụ... Bên cạnh người Việt cộng cư, văn hoá của 3 dân tộc này giữ vai trò quan trọng và hiện diện tập trung ở vùng ven biển nam Trung bộ và ở Nam bộ.

Phần thứ chín: Sự giao lưu giữa các dân tộc

Ở tất cả các dân tộc đều đã và đang có sự chuyển biến về văn hoá. Trong thời kỳ mở rộng các quan hệ giao lưu và tăng cường phát triển kinh tế - xã hội như ngày nay, quá trình ấy càng diễn ra nhanh và mạnh hơn.

Trong các nhân tố tác động đến việc giao lưu và biến đổi văn hoá, chợ đóng vai trò quan trọng đáng kể từ xưa đến nay. Phần này dành điểm tái tạo cho chủ đề phiên chợ vùng cao biên giới phía bắc.

4. Hợp tác quốc tế

BTDTHVN có mối quan hệ hợp tác quốc tế rộng rãi. Bảo tàng nhận được sự giúp đỡ tích cực và có hiệu quả của các chuyên gia từ Bảo tàng Con người (Musée de lhomme - Pháp). Đó là sự giúp đỡ trên cơ sở hiệp định hợp tác khoa học và kỹ thuật song phương giữa hai nước. Phía Pháp đã tư vấn những quan niệm về bảo tàng, giúp đỡ về thiết kế nội thất và về tổ chức trưng bày, đồng thời đã cung cấp nhiều trang thiết bị hiện đại cho Bảo tàng. Các chuyên gia Pháp, mà tiêu biểu là bà Christine Hemmet, nhà dân tộc học và bà Véronique Dollfus, kiến trúc sư, đã làm việc không biết mệt mỏi cùng các đồng nghiệp Việt Nam phấn đấu vì sự thành công của Bảo tàng.

BTDTHVN cũng nhận được sự giúp đỡ chân tình của các nhà khoa học Mỹ, Nhật, Hà Lan, Canađa.

*
* *

BTDTHVN có nhiều triển vọng phát triển lâu bền. Nếu có đủ điều kiện củng cố, mở mang, hoàn thiện, hiện đại hoá, giải quyết tốt vấn đề cảnh quan - môi trường xung quanh, Bảo tàng nầy sẽ càng thực sự là một cơ sở khoa học và văn hoá lớn và đẹp ở Hà Nội, thu hút đông đảo khách trong nước và khách quốc tế. BTDTHVN xứng đáng với niềm tự hào là Bảo tàng chuyên ngành dân tộc học đầu tiên ở Đông Nam Á.